

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 22
PHỤ LỤC 01: BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	23
PHỤ LỤC 02: BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIÊU THỤ VÉ	24
PHỤ LỤC 03: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KỶ HẠN NỢ VÀ ĐẢM BẢO THANH TOÁN CỦA ĐẠI LÝ	25 - 30
PHỤ LỤC 04: BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHI TRẢ HOA HỒNG ĐẠI LÝ VÀ CHI ỦY QUYỀN TRẢ THƯỜNG	31 - 34
PHỤ LỤC 05: BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC	35

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Số 4 - 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Xuân Hương - Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ sổ Kiến thiết Lâm Đồng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CHỦ TỊCH, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Chủ tịch, Ban giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch

Ông Đoàn Kim Đình Chủ tịch

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Vũ Đình Tuấn	Giám đốc
Ông Đỗ Đình Hạnh	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Diệp Thảo	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Bình	Phó Giám đốc (Nghỉ hưu theo Quyết định số 25/QĐ-XSKT ngày 02 tháng 6 năm 2025)
Ông Đinh Mạnh Hà	Kế toán trưởng

Trưởng Ban kiểm soát

Ông Ngô Trọng Nghĩa Trưởng Ban kiểm soát

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và tên

Chức vụ

Ông Đoàn Kim Đình	Chủ tịch
Ông Vũ Đình Tuấn	Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Chủ tịch và Ban Giám đốc,



Vũ Đình Tuấn
Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Số: 039 /VACO/BCKiT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lâm Đồng (“Công ty”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 23 của Thuyết minh Báo cáo tài chính về Số liệu so sánh. Tại đó, Công ty trình bày thông tin liên quan đến việc điều chỉnh một số khoản mục trong phần số liệu so sánh.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các Phụ lục dưới đây không phải là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính. Các phụ lục này được đính kèm với Báo cáo tài chính này chỉ sử dụng cho mục đích quản trị nội bộ của Công ty.

<u>Phụ lục</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
01	Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh	23
02	Báo cáo tình hình tiêu thụ vé	24
03	Báo cáo tình hình thực hiện kỳ hạn nợ và đảm bảo thanh toán của đại lý	25 - 30
04	Báo cáo tình hình chi trả hoa hồng đại lý và chi ủy quyền trả thưởng	31 - 34
05	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn và quản lý tài sản nhà nước	35



Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Nguyễn Viết Thiệu
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4244-2023-156-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.480.219.096.769	1.365.821.237.549
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	139.967.202.291	455.988.997.329
1. Tiền	111		129.967.202.291	285.988.997.329
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	170.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.035.000.000.000	640.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	1.035.000.000.000	640.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		296.025.962.204	257.870.075.018
1. Phải thu khách hàng	131	6	283.181.103.807	249.278.399.732
2. Trả trước cho người bán	132		94.340.000	50.000.000
3. Các khoản phải thu khác	136	7	13.550.983.792	9.342.140.681
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(800.465.395)	(800.465.395)
IV. Hàng tồn kho	140		7.927.052.598	10.497.949.842
1. Hàng tồn kho	141	9	7.927.052.598	10.497.949.842
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.298.879.676	1.464.215.360
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.298.879.676	1.464.215.360
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		97.893.356.524	103.328.235.173
I. Tài sản cố định	220		55.039.549.974	58.923.597.912
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	29.791.299.590	32.885.163.354
- Nguyên giá	222		61.876.564.217	60.924.645.025
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.085.264.627)	(28.039.481.671)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	25.248.250.384	26.038.434.558
- Nguyên giá	228		32.756.571.626	32.756.571.626
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.508.321.242)	(6.718.137.068)
II. Tài sản dài hạn khác	260		42.853.806.550	44.404.637.261
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	42.853.806.550	44.404.637.261
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.578.112.453.293	1.469.149.472.722

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.298.112.453.293	1.189.149.472.722
I. Nợ ngắn hạn	310		1.191.122.228.380	1.078.691.600.382
1. Phải trả người bán	311		9.854.730	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	931.437.962.653	859.710.753.166
3. Phải trả người lao động	314		28.425.915.311	13.446.701.570
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		417.301.946	686.583.787
5. Dự phòng rủi ro trả thưởng	321	14	215.178.471.300	193.663.253.550
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		15.652.722.440	11.184.308.309
II. Nợ dài hạn	330		106.990.224.913	110.457.872.340
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		106.990.224.913	110.457.872.340
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		280.000.000.000	280.000.000.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	280.000.000.000	280.000.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.578.112.453.293	1.469.149.472.722

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý	442.069.819	442.069.819
2. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp	451.079.624.714	422.832.490.185



Trần Thị Phương Hiếu
Người lập biểu



Đinh Mạnh Hà
Kế toán trưởng



Vũ Đình Tuấn
Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm trước	(Trình bày lại)
			Năm nay	
1. Doanh thu	01		6.521.148.809.775	5.868.991.978.342
1.1 Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		6.520.559.736.205	5.868.583.440.793
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		6.499.119.454.579	5.838.457.172.672
1.1.2. Xổ số bốc	01.1.3		21.440.281.626	30.126.268.121
1.2 Doanh thu kinh doanh khác	01.2		589.073.570	408.537.549
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		850.507.791.681	765.467.405.320
2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		850.507.791.681	765.467.405.320
2.1.1 Xổ số truyền thống	02.1.1		847.711.233.207	761.537.892.088
2.1.2. Xổ số bốc	02.1.3		2.796.558.474	3.929.513.232
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	16	5.670.641.018.094	5.103.524.573.022
3.1 Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		5.670.051.944.524	5.103.116.035.473
3.1.1 Xổ số truyền thống	10.1.1		5.651.408.221.372	5.076.919.280.584
3.1.2 Xổ số bốc	10.1.3		18.643.723.152	26.196.754.889
3.2 Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		589.073.570	408.537.549
4. Chi phí kinh doanh	11	17	4.724.365.646.298	4.233.209.140.825
4.1 Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		4.724.365.646.298	4.233.209.140.825
4.1.1 Chi phí trả thưởng	11.1.1		3.480.706.270.000	3.135.374.380.000
4.1.2 Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		1.243.659.376.298	1.097.834.760.825
5. Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		946.275.371.796	870.315.432.197
5.1 Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		945.686.298.226	869.906.894.648
5.2 Lợi nhuận gộp kinh doanh khác	20.2		589.073.570	408.537.549
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	31.844.288.827	26.642.712.711
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	55.485.853.300	77.358.706.903
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		922.633.807.323	819.599.438.005
(30 = 20 + 21 - 26)				
9. Thu nhập khác	31		926.955.734	250.700.284
10. Chi phí khác	32		241.442.239	242.658.144
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		685.513.495	8.042.140
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		923.319.320.818	819.607.480.145
(50 = 30 + 40)				
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	184.733.934.418	163.925.152.001
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		738.585.386.400	655.682.328.144

Trần Thị Phương Hiếu
Người lập biểu

Đinh Mạnh Hà
Kế toán trưởng



Vũ Đình Tuấn
Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	5.200.721.246.099	4.626.064.668.209
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(2.494.115.526.015)	(2.167.898.741.052)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(50.450.198.869)	(64.839.163.160)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(182.185.087.957)	(180.081.281.143)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	13.089.132.780	5.949.610.011
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.801.049.971.984)	(1.580.756.246.298)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	686.009.594.054	638.438.846.567
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(951.919.192)	(5.816.979.119)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.298.000.000.000)	(835.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	903.000.000.000	843.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.632.268.274	26.150.596.283
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(368.319.650.918)	28.333.617.164
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(633.711.738.174)	(724.042.120.399)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(633.711.738.174)	(724.042.120.399)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(316.021.795.038)	(57.269.656.668)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	455.988.997.329	513.258.653.997
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	139.967.202.291	455.988.997.329

Trần Thị Phương Hiếu
Người lập biểu

Đinh Mạnh Hà
Kế toán trưởng



Vũ Đình Tuấn
Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lâm Đồng là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định 687/UB-TC ngày 24 tháng 10 năm 1992 và được chuyển đổi sang Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2005 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lâm Đồng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4204000007 được cấp lần đầu ngày 16 tháng 8 năm 2015 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 số 5800000230 ngày 24 tháng 12 năm 2025 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính Lâm Đồng cấp.

Tổng số nhân viên (bao gồm người quản lý và người lao động) của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 111 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 113 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc.

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động kinh doanh xổ số kiến thiết.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu năm nay so sánh được với số liệu năm trước.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước: Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Các khoản chi phí trả trước khác: bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí mua bảo hiểm, ... được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian sử dụng hữu ích</u> <u>(Số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 03 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Dự phòng rủi ro trả thưởng

Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập hàng năm tính vào chi phí phát hành xổ số dùng để làm nguồn chi trả thưởng trong trường hợp tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Tại thời điểm trích lập, tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng của doanh nghiệp kinh doanh xổ số hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam tối đa không được vượt quá 03% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong năm vượt giới hạn quy định này thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ áp dụng đối với các loại hình sản phẩm xổ số truyền thống, xổ số lô tô, xổ số cào biết kết quả ngay và xổ số bốc biết kết quả ngay.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện theo quy định tại Luật 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2025. Việc phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp có vốn nhà nước của năm tài chính 2025 được thực hiện theo quy định của Luật này.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ ("Quỹ") của Công ty được sử dụng cho đầu tư khoa học, công nghệ tại Việt Nam. Công ty đã trích Quỹ theo quy định pháp luật về thuế và hướng dẫn sử dụng Quỹ theo các quy định pháp luật có liên quan.

Trong thời hạn 05 năm kể từ khi trích lập theo quy định, nếu Quỹ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích thì phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để tính số thuế thu hồi là thuế suất áp dụng trong thời gian trích lập quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí trả thưởng

Đối với các loại hình xổ số truyền thống, lô tô thủ công: Chi phí trả thưởng là số tiền thực tế trả cho người trúng thưởng đối với các vé xổ số trúng thưởng theo quy định của pháp luật.

Do đặc thù của nghiệp vụ kinh doanh xổ số, chi phí trả thưởng được ghi nhận tại thời điểm thực chi, nhưng thời hạn có hiệu lực của các vé số trúng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày mở thưởng cho nên chi phí trả thưởng có thể được ghi nhận vào niên độ kế toán tiếp theo không cùng với niên độ ghi nhận doanh thu.

Chi phí hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số

Mức chi hoa hồng đại lý cụ thể do doanh nghiệp kinh doanh xổ số quyết định trong từng thời kỳ nhưng phải đảm bảo nguyên tắc không vượt quá 15% doanh thu bán vé xổ số có thuế của doanh nghiệp (giá trị vé xổ số đã bán). Mức chi hoa hồng đại lý được ghi cụ thể tại hợp đồng đại lý xổ số được ký giữa doanh nghiệp kinh doanh xổ số và đại lý xổ số;

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ thanh toán tiền hoa hồng đại lý cho đại lý xổ số sau khi đã hoàn tất việc xác nhận số lượng vé xổ số đại lý đó đã tiêu thụ được trong năm và đại lý xổ số đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ghi trong hợp đồng đại lý với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các Bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan

Chủ tịch và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Quản lý chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	5.163.387.274	3.594.164.720
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	124.803.815.017	282.394.832.609
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	170.000.000.000
Cộng	139.967.202.291	455.988.997.329

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỜ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	1.035.000.000.000	1.035.000.000.000	640.000.000.000	640.000.000.000

Ghi chú:

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các Ngân hàng, lãi suất theo thông báo của Ngân hàng từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Bà Hà Thị Thùy Trang	19.010.080.036	17.261.650.009
Ông Trần Văn Sang	16.928.637.517	12.956.005.017
Ông Mai Hữu Ánh	11.962.626.975	5.530.776.975
Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy	10.166.002.925	6.235.492.925
Ông Thái Phước Đại	9.963.750.000	9.252.325.000
Các đại lý khác	215.150.006.354	198.042.149.806
Cộng	283.181.103.807	249.278.399.732

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	13.441.089.043	9.229.068.489
Các khoản phải thu khác	109.894.749	113.072.192
Cộng	13.550.983.792	9.342.140.681

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Ông Nguyễn Văn Quý	690.570.645	-	690.570.645	-
Ông Nguyễn Đài Trung	85.894.750	-	85.894.750	-
Công ty CP Phát triển Kinh doanh và Truyền thông Việt	24.000.000	-	24.000.000	-
Cộng	800.465.395	-	800.465.395	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ dụng cụ	2.653.512.598	-	4.228.264.042	-
Chi phí SXKD dở dang	748.660.000	-	760.684.000	-
Vé xổ số truyền thống	4.391.968.000	-	5.373.784.800	-
Vé xổ số bốc	132.912.000	-	135.217.000	-
Cộng	7.927.052.598	-	10.497.949.842	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.298.879.676	1.464.215.360
Chi phí bảo hiểm	1.171.148.001	1.212.078.787
Chi phí công cụ, dụng cụ	94.342.742	57.690.153
Chi phí sửa chữa, bảo trì	33.388.933	109.548.151
Các khoản khác	-	84.898.269
b) Dài hạn	42.853.806.550	44.404.637.261
Tiền thuê đất trả trước	41.544.070.708	42.771.667.840
Chi phí công cụ, dụng cụ	851.204.944	1.301.868.750
Chi phí sửa chữa, bảo trì	383.537.404	193.842.185
Các khoản khác	74.993.494	137.258.486
Cộng	44.152.686.226	45.868.852.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	37.353.045.217	16.297.762.468	5.781.468.031	1.492.369.309	60.924.645.025
Tăng do mua sắm	-	-	951.919.192	-	951.919.192
Số cuối năm	37.353.045.217	16.297.762.468	6.733.387.223	1.492.369.309	61.876.564.217
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	14.233.042.762	8.006.974.372	4.423.208.677	1.376.255.860	28.039.481.671
Khấu hao trong năm	1.400.659.483	2.021.397.445	556.568.373	67.157.655	4.045.782.956
Số cuối năm	15.633.702.245	10.028.371.817	4.979.777.050	1.443.413.515	32.085.264.627
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	23.120.002.455	8.290.788.096	1.358.259.354	116.113.449	32.885.163.354
Tại ngày cuối năm	21.719.342.972	6.269.390.651	1.753.610.173	48.955.794	29.791.299.590

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 với giá trị là 11.033.343.815 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.187.795.633 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu kỳ	31.436.475.026	1.320.096.600	32.756.571.626
Số cuối năm	31.436.475.026	1.320.096.600	32.756.571.626
HAO MÒN LUY KẾ			
Số đầu kỳ	5.833.989.516	884.147.552	6.718.137.068
Khấu hao trong kỳ	576.412.140	213.772.034	790.184.174
Số cuối năm	6.410.401.656	1.097.919.586	7.508.321.242
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	25.602.485.510	435.949.048	26.038.434.558
Tại ngày cuối năm	25.026.073.370	222.177.014	25.248.250.384

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	50.647.175.711	646.870.200.637	653.931.295.833	57.708.270.907
Thuế tiêu thụ đặc biệt	66.634.299.604	850.507.791.681	859.961.611.046	76.088.118.969
Thuế TNDN	149.732.262.362	187.995.689.718	182.185.087.957	143.921.660.601
Thuế TNCN	20.870.704.175	245.442.892.314	248.853.822.945	24.281.634.806
Các loại thuế khác	-	210.266.990	210.266.990	-
Lợi nhuận sau thuế phải nộp về NSNN	643.553.520.801	719.554.191.092	633.711.738.174	557.711.067.883
	931.437.962.653	2.650.581.032.432	2.578.853.822.945	859.710.753.166

14. DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỞNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Dự phòng rủi ro trả thưởng đầu năm	193.663.253.550	193.481.421.150
Trích lập bổ sung trong năm	21.801.855.300	192.214.500
Hoàn nhập dự phòng rủi ro trả thưởng	(286.637.550)	(10.382.100)
Dự phòng rủi ro trả thưởng cuối năm	215.178.471.300	193.663.253.550

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNGSố 4 - 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Xuân Hương - Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Mẫu số B 09-XS**Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC
ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	280.000.000.000	-	280.000.000.000
Lãi trong năm	-	655.682.328.144	655.682.328.144
Trích lập các quỹ	-	(16.257.044.750)	(16.257.044.750)
Nộp lợi nhuận còn lại về NSNN	-	(639.424.759.684)	(639.424.759.684)
Giảm khác	-	(523.710)	(523.710)
Số dư đầu năm nay	280.000.000.000	-	280.000.000.000
Lãi trong năm	-	738.585.386.400	738.585.386.400
Trích lập quỹ phúc lợi khen thưởng (i)	-	(19.030.944.500)	(19.030.944.500)
Nộp lợi nhuận còn lại về NSNN năm nay	-	(719.554.191.092)	(719.554.191.092)
Giảm khác	-	(250.808)	(250.808)
Số dư cuối năm nay	280.000.000.000	-	280.000.000.000

Ghi chú:

- (i) Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo quy định tại Điều 25, Luật 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025.

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5800000230 sửa đổi lần 09 ngày 24 tháng 13 năm 2025, Vốn điều lệ của Công ty là 280.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước	280.000.000.000	100%	280.000.000.000	280.000.000.000
Cộng	280.000.000.000	100%	280.000.000.000	280.000.000.000

16. DOANH THU THUẦN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu		
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thống	6.499.119.454.579	5.838.457.172.672
Doanh thu kinh doanh xổ số bốc	21.440.281.626	30.126.268.121
Doanh thu khác	589.073.570	408.537.549
Cộng	6.521.148.809.775	5.868.991.978.342
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế tiêu thụ đặc biệt của xổ số truyền thống	847.711.233.207	761.537.892.088
Thuế tiêu thụ đặc biệt của xổ số bốc	2.796.558.474	3.929.513.232
Cộng	850.507.791.681	765.467.405.320
Doanh thu thuần	5.670.641.018.094	5.103.524.573.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Chi phí kinh doanh xổ số		
Chi phí trả thưởng	3.480.706.270.000	3.135.374.380.000
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	1.243.659.376.298	1.097.834.760.825
Cộng	4.724.365.646.298	4.233.209.140.825

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	31.844.288.827	26.642.712.711
Cộng	31.844.288.827	26.642.712.711

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.250.054.869	8.644.582.568
Chi phí vật liệu quản lý	2.205.478.665	2.191.396.195
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.828.193.016	1.846.176.181
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.907.987.134	4.639.332.152
Thuế, phí, và lệ phí	162.051.069	149.585.004
Trích Quỹ phát triển khoa học công nghệ (i)	-	24.588.249.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.670.573.043	3.781.492.636
Chi phí khác bằng tiền	32.461.515.504	31.517.893.077
Cộng	55.485.853.300	77.358.706.903

Ghi chú:

(i) Năm 2025, Công ty không thực hiện trích Quỹ phát triển khoa học công nghệ do số dư Quỹ đã trích lập các năm trước chưa sử dụng hết.

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại)
		VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.033.671.681	4.037.572.376
Chi phí nhân công	9.250.054.869	8.644.582.568
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.907.987.134	4.639.332.152
Chi phí trực tiếp phát hành	1.243.659.376.298	1.097.834.760.825
Chi phí trả thưởng	3.480.706.270.000	3.135.374.380.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.670.573.043	3.781.492.636
Chi phí khác bằng tiền	32.623.566.573	31.667.478.081
Cộng	4.779.851.499.598	4.285.979.598.638

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNGSố 4 - 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Xuân Hương - Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Mẫu số B 09-XS**Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC
ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	923.319.320.818	819.607.480.145
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	341.990.992	822.859
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>341.990.992</i>	<i>822.859</i>
Thu nhập chịu thuế	923.661.311.810	819.608.303.004
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	184.732.262.362	163.921.660.601
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước	1.672.056	3.491.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	184.733.934.418	163.925.152.001

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ngoài khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế nêu trên, Công ty xác định không còn khoản điều chỉnh thu nhập chịu thuế trọng yếu khác. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty chỉ có giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Chủ tịch, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng Ban Kiểm soát:

Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
		VND	VND
Ông Đoàn Kim Đình	Chủ tịch	1.449.216.359	1.308.449.102
Ông Vũ Đình Tuấn	Giám đốc	1.396.080.000	1.259.988.024
Ông Đỗ Đình Hạnh	Phó Giám đốc	1.234.993.846	1.114.604.790
Bà Trần Thị Diệp Thảo	Phó Giám đốc	1.234.993.846	1.114.604.790
Ông Phạm Văn Bình	Phó Giám đốc	823.329.231	1.114.604.790
Ông Đinh Mạnh Hà	Kế toán trưởng	1.127.603.077	1.163.065.869
Ông Ngô Trọng Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát	1.288.561.641	1.017.682.635

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm trước được điều chỉnh và phân loại lại theo Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt quỹ lương thực hiện của Người lao động và Người quản lý năm 2024, cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
		VND	VND	VND
<u>Bảng cân đối kế toán</u>				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	858.689.810.295	1.020.942.871	859.710.753.166
Trong đó:				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		143.756.938.077	164.722.524	143.921.660.601
- Lợi nhuận sau thuế phải nộp về NSNN		556.854.847.536	856.220.347	557.711.067.883
Phải trả người lao động	314	14.295.022.570	(848.321.000)	13.446.701.570
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	11.381.638.559	(197.330.250)	11.184.308.309
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	110.433.163.961	24.708.379	110.457.872.340

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Số 4 - 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Xuân Hương - Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Mẫu số B 09-XS

Ban hành theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC
ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)

	<u>Mã số</u>	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Điều chỉnh</u>	<u>Số sau điều chỉnh</u>
		VND	VND	VND
<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u>				
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2	1.098.565.081.825	(730.321.000)	1.097.834.760.825
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	77.451.998.524	(93.291.621)	77.358.706.903
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	163.760.429.477	164.722.524	163.925.152.001

Việc thay đổi quỹ lương ảnh hưởng đến lợi nhuận, thuế thu nhập doanh nghiệp và các quỹ đã trích lập trong năm 2024, do đó Công ty thực hiện điều chỉnh và phân loại lại.



Trần Thị Phương Hiếu
Người lập biểu



Đinh Mạnh Hà
Kế toán trưởng



Vũ Đình Tuấn
Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 3 năm 2026